

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/DSST
Ngày: 18/9/2017

V/v tranh chấp: “Đòi di sản thừa kế là QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Thanh Hải**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Bình**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày **12** và **18** tháng **9** năm **2017** tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 08/2014/TLST-DS ngày 19/5/2014 về tranh chấp: “Đòi di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST-DS ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 1, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1948

Địa chỉ ấp M, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang ;

- Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1950,

Địa chỉ số 298 ấp 4, xã T, Thị xã C, Tiền Giang.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1951,

Địa chỉ ấp M, xã M, Thị xã C, Tiền Giang;

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1956,

Địa chỉ ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958,

Địa chỉ ấp 3, xã T, huyện T, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964. (theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2014).

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp L, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn*: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, Thị xã C, Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp M, xã M, Thị xã C, Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1966;

4. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1967;

5. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

6. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

8. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

9. Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1970;

10. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

11. Ông **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

12. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp Kinh 12, xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N (theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2014)

13. Ông **Nguyễn Tấn Th**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

14. **Nguyễn Thị Anh Th**, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/12/2013 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn Đ đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Cha mẹ của ông bà là cụ Nguyễn Văn P (1914-1994) và cụ Võ Thị K (1918-2011) có 12 người con gồm:

1. Nguyễn Văn N (1939-1959), không có vợ, con;
2. Ông Nguyễn Văn M (1942-1973) có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Tấn Th;
3. Nguyễn Thị Đ (1940-2007) có 05 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Văn D;
4. Nguyễn Thị Nữ (1942-2008) có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn Ph;
5. Nguyễn Thị N
6. Nguyễn Văn T;
7. Nguyễn Thị K;
8. Nguyễn Thị H;
9. Nguyễn Văn T;
10. Nguyễn Thị H;
11. Nguyễn Văn Đ;
12. Nguyễn Văn U (1965-2010) có người con là Nguyễn Thị Anh Th;

Sinh thời cha mẹ ông, bà đã tạo lập một số phần đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Khi các ông bà lập gia đình thì đã được cha mẹ chia đều cho mỗi người 2.000m² đất, phần còn lại cha mẹ ông bà quản lý.

Sau khi chết, cha mẹ ông bà có để lại phần diện tích 4.289,1m² thửa số 1378 tờ bản đồ số 13, loại đất trồng lúa và phần đất diện tích 2.579,3m² thửa số 1413 tờ bản đồ số 13, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, cả hai thửa đất này đều tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Đối với phần diện tích đất ruộng 4.289,1m² thửa số 1378 tờ bản đồ số 13 thì khi còn sống cha mẹ có cho Nguyễn Văn U 2.000m² nhưng chưa tách chủ quyền.

Hai thửa đất này đều do bà Võ Thị L (vợ của ông Nguyễn Văn U) quản lý.

Nay ông bà và các đồng thừa kế yêu cầu xác định diện tích 4.289,1m² thửa số 1378 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của bà Võ Thị K.

Buộc bà Võ Thị L trả phần diện tích 2,289,1m² đất ruộng nằm trong phần diện tích 4.289,1m² thửa số 1378 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế.

Đối với phần đất diện tích 2.579,3m² thửa số 1413 tờ bản đồ số 13, loại đất trồng cây lâu năm thì ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Võ Thị L trình bày:

Bà thừa nhận hiện bà đang quản lý và sử dụng phần diện tích 4.289,1m² thửa số 1378 tờ bản đồ số 13, loại đất trồng lúa và phần đất diện tích 2.579,3m² thửa số 1413 tờ bản đồ số 13, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, cả hai thửa đất này đều tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang như nguyên đơn trình bày. Trong phần đất 4.289,1m² thửa số 1378 tờ bản đồ số 13 thì đã bán cho chị Nguyễn Thị T 1.000m² với giá 25 chỉ vàng 24K nhưng chưa tách bộ.

Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì khi còn sống bà Võ Thị K đã cho bà phần diện tích đất này và có để lại di chúc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị B, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N thống nhất lời trình bày của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Tấn Th trình bày: Về việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn ông không có ý kiến gì và cũng không tranh chấp, nhưng ông yêu cầu Tòa án xem xét để lại một phần đất cho cháu ông là Nguyễn Thị Anh Th để canh tác và sinh sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn P và cụ Võ Thị K:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: cụ Nguyễn Văn P (1914-1994) và cụ Võ Thị K (1918-2011) có 12 người con gồm:

- Nguyễn Văn Năng (1939-1959), không có vợ, con;

- Ông Nguyễn Văn M (1942-1973) có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Tấn Th;

- Nguyễn Thị Đính (1940-2007) có 05 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Văn D;

- Nguyễn Thị Nữ (1942-2008) có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn Ph;

- Nguyễn Thị N

- Nguyễn Văn T;

- Nguyễn Thị K;

- Nguyễn Thị H;

- Nguyễn Văn T;
- Nguyễn Thị H;
- Nguyễn Văn Đ;
- Nguyễn Văn U (1965-2010) có 02 người con là Nguyễn Thị Anh Th và Nguyễn Minh K (chết);

Cụ Nguyễn Văn P mất năm 1994 và cụ Võ Thị K mất năm 2011, nên hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn P và cụ Võ Thị K theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Nữ và Nguyễn Văn U.

Do ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn U chết trước cụ Võ Thị K, nên theo quy định tại 677 Bộ luật dân sự 2005 thì hàng thừa kế thế vị của những người này gồm: Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Tân Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Ph và Nguyễn Thị Anh Th; còn ông Nguyễn Văn N không có vợ, con.

[2] Di sản thừa kế:

Sau khi cụ Nguyễn Văn P mất, cụ Võ Thị K được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01996.QSDĐ/110 ngày 10/8/1999 gồm 02 thửa: thửa 617 diện tích 4.590m² mục đích sử dụng 2L và thửa số 279 diện tích 2193m² mục đích sử dụng Q tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2009, cụ Võ Thị K được Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Thửa số 1378, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02062 ngày 14/01/2009 cấp cho hộ Võ Thị K;

- Thửa số 1413, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.579,3m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02063 ngày 14/01/2009 cấp cho hộ Võ Thị K.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2013 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án xác định thửa số 1378, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m², mục đích sử dụng đất trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02062 ngày 14/01/2009 cấp cho hộ Võ Thị K, là di sản thừa kế của cụ Võ Thị K để lại; đồng thời các nguyên đơn yêu cầu bị đơn Võ Thị L trả cho các nguyên đơn phần diện tích 2.289,1m² nằm trong thửa số 1378 tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m². Đối với thửa số 1413, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.579,3m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết đối với thửa số 1378, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02062 ngày 14/01/2009 cấp cho hộ Võ Thị K; còn thửa số 1413, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.579,3m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và

trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02063 ngày 14/01/2009, Hội đồng xét xử không xem xét do các nguyên đơn không yêu cầu.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02062 ngày 14/01/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C thì thửa số 1378, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m² được cấp cho hộ Võ Thị K, thời điểm này, hộ cụ Võ Thị K gồm có cụ Võ Thị K, ông Nguyễn Văn U, bà Võ Thị L, Nguyễn Minh K (chết) và Nguyễn Thị Anh Th. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và bị đơn Võ Thị L đều trình bày thống nhất mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện cấp cho hộ Võ Thị K nhưng nguồn gốc thửa số 1378, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m², mục đích sử dụng đất trồng lúa là do ông bà để lại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thửa số 1378 diện tích 4.289,1m² là di sản của cụ K để lại theo quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005, không phải là tài sản chung của hộ gia đình.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, thửa số 1378 tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m², là đất trồng lúa có nguồn gốc từ thửa 617 diện tích 4.590m² mục đích sử dụng 2L nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01996.QSDD/110 ngày 10/8/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Võ Thị K. Đến năm 2009 thì được cấp đổi thành sổ thửa mới và giấy mới như hiện nay. Sau khi cụ Võ Thị K mất, bà Võ Thị L quản lý và canh tác. Năm 2012 bà Võ Thị L bán cho bà Nguyễn Thị T một phần diện tích khoảng 1.000m² với giá là 25 chỉ vàng 24K và đã giao cho bà T quản lý, canh tác phần đất này nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách bộ. Theo sơ đồ đo đạc ngày 26/7/2016 thì phần diện tích bà Võ Thị L bán cho bà Nguyễn Thị T đo đạc thực tế có diện tích là 1.143,1m² và bà Võ Thị L chỉ quản lý phần diện tích còn lại là 3.146m².

Xét, đối với phần diện tích 1.143,1m² nằm trong thửa 1378, diện tích 4,289,1m² mà bị đơn Võ Thị L đã bán cho bà Nguyễn Thị T: trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T không có đơn yêu cầu khởi kiện độc lập về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các nguyên đơn không tranh chấp phần đất này. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị T đang quản lý, canh tác phần diện tích đất 1.143,1m², nên tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N (ông Đ, bà N đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), bị đơn Võ Thị L và Nguyễn Thị Anh Th đồng ý tiếp tục giao cho bà T quản lý, sử dụng. Xét đây là sự tự nguyện của các nguyên đơn, bị đơn và người liên quan nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu các đương sự có tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì có quyền khởi kiện bằng một án dân sự khác.

Đối với phần diện tích 3.146m² nằm trong thửa 1378, diện tích 4,289,1m²: tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ cũng là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị B đồng ý giao cho Nguyễn Thị Anh Th (con của bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn U) quản lý phần diện tích 1.000m², phần diện tích còn lại 2.146m² thì yêu cầu bà Võ Thị L giao trả cho

các đồng thừa kế. Xét, bà Võ Thị L không phải là hàng thừa kế của cụ Võ Thị K và đang quản lý di sản của cụ Võ Thị K, nên các nguyên đơn Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Võ Thị L có nghĩa vụ giao lại cho các đồng thừa kế của cụ Kiêm, là phù hợp.

Bà Võ Thị L không đồng ý giao cho các nguyên đơn phần diện tích 2.146m² vì bà cho rằng phần diện tích đất này bà đã được bà Võ Thị K để lại di chúc cho bà ngày 08/6/2011, nhưng theo tài liệu bà Võ Thị L cung cấp thì đây là chỉ là bản phô tô từ tường trình về việc tranh chấp đất đai, bà Võ Thị L không cung cấp được bản chính. Mặt khác, nội dung văn bản ngày 08/6/2011 cũng không có đầy đủ những nội dung của di chúc theo quy định tại Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2014. Do đó, xác định đây không phải là di chúc của bà Võ Thị K.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, bị đơn Võ Thị L và Nguyễn Thị Anh Th về việc đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý phần 1.143,1m² và ghi nhận tự nguyện của các đồng nguyên đơn giao cho Nguyễn Thị Anh Th quản lý 1.000m².

Về án phí: Đây là vụ án tranh chấp đòi di sản thừa kế do người khác quản lý và Hội đồng xét xử không xem xét đến giá trị tài sản, nên bà Võ Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 48, 96, 97, 195 và 196 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải... Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 674, 675, 676, 677, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 100, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013: ghi nhận các đồng nguyên đơn, bị đơn giao cho bà T tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích 1.143,5m²; ghi nhận các đồng nguyên đơn tự nguyện giao cho Nguyễn Thị Anh Th diện tích 1.000m², Buộc bà Võ Thị L, Nguyễn Thị Anh Th giao cho các đồng nguyên đơn phần diện tích 2.146m².

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 5, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 256, 631, 634, 635, 638, 653, 733 và Điều 734 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 105 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N.

- Xác định thửa số 1378, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.289,1m², mục đích sử dụng đất trồng lúa tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02062 ngày 14/01/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ Võ Thị K, là di sản thừa kế của cụ Võ Thị K.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ (ông Nguyễn Văn Đ đồng là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ cũng là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị B) đồng ý giao cho Nguyễn Thị Anh Th (con của bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn U) quản lý phần diện tích 1.000m² nằm trong thửa 1378 diện tích 4.289,1m².

Vị trí, tứ cận như sau:

- + Bắc giáp phần diện tích 2.146m² giao cho nguyên đơn;
- + Nam giáp thửa 1413 của bà Võ Thị K;
- + Tây giáp Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T;
- + Đông giáp Trương Văn Nh;

(có sơ đồ kèm theo)

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ (ông Nguyễn Văn Đ đồng là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ cũng là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị B), bị đơn Võ Thị L và Nguyễn Thị Anh Th đồng ý giao cho Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng phần diện tích 1.143m² nằm trong thửa 1378 diện tích 4.289,1m².

Vị trí, tứ cận như sau:

- + Bắc giáp Võ Thị Thu S;
- + Nam giáp phần diện tích 2.146m² giao cho các nguyên đơn;
- + Tây giáp Trương Văn Nh;
- + Đông giáp Lê Thị K;

(có sơ đồ kèm theo)

- Buộc bà Võ Thị L và Nguyễn Thị Anh Th giao phần diện tích 2.146m² nằm trong thửa 1378 diện tích 4.289,1m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

H02062 ngày 14/01/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ Võ Thị K cho các nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N quản lý.

Vị trí, tứ cận như sau:

- + Bắc giáp phần đất diện tích 1.143,1m² giao bà Nguyễn Thị T quản lý;
- + Nam giáp phần diện tích đất 1.000m² giao cho Nguyễn Thị Anh Th;
- + Đông giáp Lê Thị K, Nguyễn Văn T;
- + Tây giáp Nguyễn Văn Nh;

(có sơ đồ kèm theo)

- Về án phí: Bà Võ Thị L phải nộp 200.000 đồng dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10900 ngày 02/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Ông Nguyễn Tấn Th và Nguyễn Thị Anh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 55 phút ngày 18 tháng 9 năm 2017, có mặt bà N, ông Đ và bà L; vắng mặt Nguyễn Thị Anh Th, Nguyễn Tấn Th.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm